TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI NĂM HỌC 2017-2018

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH PHÒNG THI KÌ KIỂM TRA HỌC KÌ I - KHỐI 8

Phòng thi số: 27 **Thi tại phòng: 313**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	800001	8A3	Bùi Ngọc An	12-10-2004						
2	800002	8A2	Lê Khánh An	22-10-2004						
3	800003	8A3	Ngô Phương An	24-07-2004						
4	800004	8A4	Nguyễn Hải An	13-03-2004						
5	800005	8A3	Chu Quang Anh	25-09-2004						
6	800006	8A2	Đặng Nguyễn Hồng Anh	03-01-2004						
7	800007	8A1	Hoàng Anh Ngọc Anh	28-12-2004						
8	800008	8A3	Hoàng Lê Minh Anh	16-04-2004						
9	800009	8A6	Hoàng Ngọc Diệu Anh	10-04-2004						
10	800010	8A4	Mai Thái Anh	29-11-2004						
11	800011	8A1	Nguyễn Đức Nhật Anh	09-12-2004						
12	800012	8A4	Nguyễn Hải Anh	14-08-2004						
13	800013	8A3	Nguyễn Mai Anh	08-05-2004						
14	800014	8A2	Nguyễn Phạm Châu Anh	29-11-2004						
15	800015	8A6	Nguyễn Quốc Anh	20-04-2004						
16	800016	8A3	Nguyễn Thạch Trang Anh	26-09-2004						
17	800017	8A4	Nguyễn Trang Anh	19-02-2004						
18	800018	8A3	Nguyễn Tuấn Anh	03-08-2004						
19	800019	8A3	Nguyễn Văn Ngọc Anh	15-05-2004						
20	800020	8A4	Phạm Cẩm Anh	04-07-2004						
21	800021	8A1	Phạm Mai Thùy Anh	06-06-2004						
22	800022	8A1	Phạm Quang Anh	29-08-2004						
23	800023	8A5	Trần Đức Anh	12-04-2004						
24	800024	8A6	Trần Lan Anh	01-04-2004						
25										

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI NĂM HỌC 2017-2018

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH PHÒNG THI KÌ KIỂM TRA HỌC KÌ I - KHỐI 8

Phòng thi số: 28 **Thi tại phòng: 314**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	800025	8A1	Trần Ngô Vân Anh	09-09-2004						
2	800026	8A2	Trần Nhật Anh	20-12-2004						
3	800027	8A6	Trần Nhật Anh	06-11-2004						
4	800028	8A1	Lê Bảo Ân	25-01-2004						
5	800029	8A1	Vũ Duy Bách	06-12-2004						
6	800030	8A4	Nguyễn Thái Bảo	07-07-2004						
7	800031	8A3	Phạm Đức Bảo	09-01-2004						
8	800032	8A6	Mai Quốc Bình	16-07-2004						
9	800033	8A1	Nguyễn Thái Bình	02-01-2004						
10	800034	8A2	Trần Minh Châu	20-11-2004						
11	800035	8A4	Bùi Khánh Chi	26-12-2004						
12	800036	8A3	Nguyễn Bình Chi	19-10-2004						
13	800037	8A6	Nguyễn Hà Chi	04-06-2004						
14	800038	8A6	Nguyễn Kim Chi	15-10-2004						
15	800039	8A2	Nguyễn Quế Chi	01-06-2004						
16	800040	8A3	Phạm Quỳnh Chi	14-03-2004						
17	800041	8A4	Trần Thủy Chi	04-09-2004						
18	800042	8A3	Nguyễn Thành Công	08-04-2004						
19	800043	8A3	Nguyễn Tiến Cường	22-11-2004						
20	800044	8A6	Đỗ Phạm Ngọc Diễm	06-07-2004						
21	800045	8A6	Đặng Hiền Diệu	25-04-2004						
22	800046	8A4	Nguyễn Mạnh Dũng	17-10-2004						
23	800047	8A6	Lê Phúc Duy	25-06-2004						
24	800048	8A6	Nguyễn Viết Duy	24-03-2004						
25										

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI NĂM HỌC 2017-2018

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH PHÒNG THI KÌ KIỂM TRA HỌC KÌ I - KHỐI 8

Phòng thi số: 29 **Thi tại phòng: 316**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	800049	8A6	Lê Vũ Quý Dương	10-01-2004						
2	800050	8A2	Nguyễn Bạch Dương	16-12-2004						
3	800051	8A1	Nguyễn Thùy Dương	21-07-2004						
4	800052	8A1	Hoàng Đạt	17-01-2004						
5	800053	8A1	Vũ Tiến Đạt	18-01-2004						
6	800054	8A4	Bùi Hải Đăng	28-10-2004						
7	800055	8A5	Đinh Quang Đăng	21-05-2004						
8	800056	8A5	Đỗ Hải Đăng	11-03-2004						
9	800057	8A5	Nguyễn Hải Đăng	02-02-2004						
10	800058	8A6	Nguyễn Minh Đăng	03-03-2004						
11	800059	8A3	Cao Văn Đông	11-09-2004						
12	800060	8A3	Ngô Minh Đức	09-03-2004						
13	800061	8A2	Nguyễn Đỗ Minh Đức	17-09-2004						
14	800062	8A2	Nguyễn Hương Giang	11-10-2004						
15	800063	8A5	Vũ Hương Giang	08-11-2004						
16	800064	8A6	Hoàng Mỹ Hà	23-06-2004						
17	800065	8A4	Nguyễn Phạm Khánh Hà	19-09-2004						
18	800066	8A1	Trần Thanh Hà	20-11-2004						
19	800067	8A3	Đào Vĩnh Hải	01-07-2004						
20	800068	8A3	Lê Đức Hải	24-03-2004						
21	800069	8A5	Lưu Đỗ Đình Hải	08-12-2004						
22	800070	8A6	Nguyễn Tường Lan Hạnh	20-08-2004						
23	800071	8A2	Trần Nguyên Hạo	01-02-2004						
24	800072	8A3	Lý Thu Hằng	27-10-2003						
25										

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI NĂM HỌC 2017-2018

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH PHÒNG THI KÌ KIỂM TRA HỌC KÌ I - KHỐI 8

Phòng thi số: 30 **Thi tại phòng: 317**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	800073	8A6	Nguyễn Minh Hằng	18-10-2004						
2	800074	8A5	Hoàng Nam Hiển	01-07-2004						
3	800075	8A3	Trần Phan Hiển	17-06-2004						
4	800076	8A3	Hoàng Huy Hiệu	13-01-2004						
5	800077	8A1	Nguyễn Vũ Huy Hoàng	18-10-2004						
6	800078	8A1	Vương Huy Hoàng	23-09-2004						
7	800079	8A5	Nguyễn Mạnh Hùng	21-10-2004						
8	800080	8A5	Trần Thế Hùng	10-04-2004						
9	800081	8A3	Đinh Quang Huy	19-09-2004						
10	800082	8A3	Đoàn Quốc Huy	23-08-2004						
11	800083	8A4	Đỗ Đức Huy	06-01-2004						
12	800084	8A6	Nguyễn Công Huy	15-12-2004						
13	800085	8A1	Nguyễn Đình Anh Huy	23-08-2004						
14	800086	8A6	Nguyễn Quang Huy	16-06-2004						
15	800087	8A6	Nguyễn Quốc Huy	08-08-2004						
16	800088	8A2	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	19-11-2004						
17	800089	8A5	Mạc Đình Hưng	03-12-2004						
18	800090	8A3	Phùng Mai Hương	06-01-2004						
19	800091	8A1	Trần Linh Hương	25-11-2004						
20	800092	8A1	Mạc Quang Khải	31-10-2004						
21	800093	8A4	Lê Hoàng Khang	20-04-2004						
22	800094	8A2	Nguyễn Năng Khánh	28-10-2004						
23	800095	8A6	Nguyễn Bá Khiêm	04-08-2004						
24	800096	8A4	Vũ Đinh Ngọc Khuê	29-12-2004						
25										

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI NĂM HỌC 2017-2018

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH PHÒNG THI KÌ KIỂM TRA HỌC KÌ I - KHỐI 8

Phòng thi số: 31 **Thi tại phòng: 318**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	800097	8A5	Mai Tuấn Kiên	15-11-2004						
2	800098	8A5	Lê Minh Kiệt	01-01-2004						
3	800099	8A2	Nguyễn Hoàng Lâm	19-12-2004						
4	800100	8A4	Nguyễn Thanh Lâm	04-11-2004						
5	800101	8A5	Nguyễn Tuệ Lâm	11-09-2004						
6	800102	8A2	Phan Phúc Lâm	15-09-2004						
7	800103	8A1	Võ Tùng Lâm	09-11-2004						
8	800104	8A2	Bùi Khánh Linh	25-03-2004						
9	800105	8A4	Bùi Lê Tùng Linh	21-04-2004						
10	800106	8A4	Đoàn Gia Linh	29-07-2004						
11	800107	8A5	Đỗ Huyền Linh	30-07-2004						
12	800108	8A1	Hoa Huyền Diệu Linh	14-10-2004						
13	800109	8A2	Hoàng Hà Linh	08-09-2004						
14	800110	8A6	Nguyễn Đình Khánh Linh	18-07-2004						
15	800111	8A4	Nguyễn Gia Linh	11-04-2004						
16	800112	8A4	Nguyễn Hà Trang Linh	23-04-2004						
17	800113	8A1	Nguyễn Mai Linh	20-03-2004						
18	800114	8A6	Nguyễn Mai Linh	19-03-2004						
19	800115	8A1	Nguyễn Nhật Linh	05-09-2004						
20	800116	8A3	Nguyễn Trần Phương Linh	09-08-2004						
21	800117	8A2	Nguyễn Tú Linh	18-03-2004						
22	800118	8A4	Phạm Khánh Linh	31-10-2004						
23	800119	8A5	Trần Khánh Linh	16-10-2004						
24	800120	8A3	Trương Phương Linh	01-09-2004						
25										

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI NĂM HỌC 2017-2018

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH PHÒNG THI KÌ KIỂM TRA HỌC KÌ I - KHỐI 8

Phòng thi số: 32 **Thi tại phòng: 402**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	800121	8A2	Vũ Khánh Linh	25-08-2004						
2	800122	8A2	Vũ Việt Ái Linh	11-12-2004						
3	800123	8A5	Đào Nguyễn Đức Long	14-05-2004						
4	800124	8A5	Hoàng Long	07-07-2004						
5	800125	8A6	Nguyễn Hoàng Long	02-01-2004						
6	800126	8A4	Bùi Phương Mai	04-01-2004						
7	800127	8A2	Nguyễn Hoàng Mai	23-12-2004						
8	800128	8A5	Nguyễn Thanh Mai	25-11-2004						
9	800129	8A1	Hoàng Xuân Mạnh	24-08-2004						
10	800130	8A4	Cao Nguyên Hồng Minh	30-09-2004						
11	800131	8A5	Dương Quốc Minh	10-11-2004						
12	800132	8A6	Đặng Xuân Minh	02-09-2004						
13	800133	8A5	Giáp Đức Minh	14-06-2004						
14	800134	8A5	Hoàng Trần Tuấn Minh	24-07-2004						
15	800135	8A2	Lê Quang Minh	15-09-2004						
16	800136	8A6	Lê Quang Minh	17-08-2004						
17	800137	8A6	Ngô Thị Ngọc Minh	24-11-2004						
18	800138	8A2	Nguyễn Bình Minh	24-02-2004						
19	800139	8A6	Nguyễn Đình Minh	14-05-2004						
20	800140	8A6	Nguyễn Ngọc Hiền Minh	21-01-2004						
21	800141	8A1	Nguyễn Nhật Minh	06-08-2004						
22	800142	8A5	Nguyễn Nữ Nguyệt Minh	29-10-2004						
23	800143	8A2	Nguyễn Quang Minh	06-04-2004						
24	800144	8A1	Nguyễn Văn Tuấn Minh	04-08-2004						
25										

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI NĂM HỌC 2017-2018

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH PHÒNG THI KÌ KIỂM TRA HỌC KÌ I - KHỐI 8

Phòng thi số: 33 **Thi tại phòng: 403**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	800145	8A2	Nguyễn Vũ Duy Minh	03-11-2004						
2	800146	8A6	Phạm Ngọc Minh	06-08-2004						
3	800147	8A2	Phạm Tuấn Minh	12-06-2004						
4	800148	8A1	Trần Quang Minh	07-08-2004						
5	800149	8A2	Nguyễn Trà My	12-08-2004						
6	800150	8A4	Lê Quốc Nam	18-10-2004						
7	800151	8A6	Nguyễn Hải Nam	18-01-2004						
8	800152	8A6	Nguyễn Thế Nam	28-01-2004						
9	800153	8A4	Phạm Văn Nam	12-05-2004						
10	800154	8A1	Trần Gia Nam	18-12-2004						
11	800155	8A5	Bùi Kim Ngân	17-12-2004						
12	800156	8A3	Vũ Ánh Trang Ngân	21-11-2004						
13	800157	8A5	Vũ Hoàng Ngân	14-07-2004						
14	800158	8A2	Đỗ Thành Nghĩa	06-05-2004						
15	800159	8A6	Nguyễn Tuấn Nghĩa	06-03-2004						
16	800160	8A5	Nguyễn Văn Nghĩa	20-10-2004						
17	800161	8A4	Trần Khôi Nguyên	19-10-2004						
18	800162	8A3	Đỗ Bảo Nhi	20-08-2004						
19	800163	8A3	Lại Ngọc Nhi	15-01-2004						
20	800164	8A1	Nguyễn Phương Nhi	20-07-2004						
21	800165	8A6	Nguyễn Yến Nhi	01-09-2004						
22	800166	8A3	Nguyễn Trang Nhung	14-05-2004						
23	800167	8A4	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	16-05-2004						
24	800168	8A2	Phó An Ninh	18-05-2004						
25										

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI NĂM HỌC 2017-2018

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH PHÒNG THI KÌ KIỂM TRA HỌC KÌ I - KHỐI 8

Phòng thi số: 34 **Thi tại phòng: 404**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	800169	8A2	Lê Xuân Phong	23-06-2004						
2	800170	8A4	Nguyễn Hữu Phong	29-02-2004						
3	800171	8A4	Nguyễn Tuấn Phong	15-12-2004						
4	800172	8A5	Đào Thanh Phúc	25-03-2004						
5	800173	8A4	Nguyễn Gia Phúc	29-04-2004						
6	800174	8A4	Nguyễn Ngọc Phúc	14-03-2004						
7	800175	8A5	Đỗ Xuân Phương	03-11-2004						
8	800176	8A3	Hoàng Thủy Phương	11-03-2004						
9	800177	8A2	Nguyễn Mai Phương	09-12-2004						
10	800178	8A5	Phạm Hoàng Nam Phương	11-12-2004						
11	800179	8A4	Trần Nguyễn Mai Phương	02-12-2004						
12	800180	8A2	Bùi Minh Quang	29-12-2004						
13	800181	8A4	Chu Đăng Quang	28-09-2004						
14	800182	8A5	Lê Anh Quang	27-05-2004						
15	800183	8A3	Nguyễn Nhật Quang	29-08-2004						
16	800184	8A4	Đỗ Hương Quân	19-03-2004						
17	800185	8A4	Hoàng Quân	11-03-2004						
18	800186	8A2	Nguyễn Đàm Quân	15-05-2004						
19	800187	8A4	Nguyễn Hữu Quân	07-02-2004						
20	800188	8A3	Nguyễn Minh Quân	19-03-2004						
21	800189	8A5	Nguyễn Minh Quân	07-09-2004						
22	800190	8A1	Phạm Minh Quân	30-01-2004						
23	800191	8A1	Vũ Nam Quân	05-12-2004						
24	800192	8A1	Đoàn Tố Quyên	09-12-2004						
25	800193	8A2	Đặng Xuân Quỳnh	30-05-2004						

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI NĂM HỌC 2017-2018

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH PHÒNG THI KÌ KIỂM TRA HỌC KÌ I - KHỐI 8

Phòng thi số: 35 **Thi tại phòng: 407**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	800194	8A1	Nguyễn Kim Diễm Quỳnh	10-10-2004						
2	800195	8A2	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	08-09-2004						
3	800196	8A5	Nguyễn Thị Diệu Quỳnh	07-02-2004						
4	800197	8A4	Trịnh Diễm Quỳnh	12-01-2004						
5	800198	8A4	Nguyễn Linh San	28-05-2004						
6	800199	8A5	Nguyễn Tuấn Sơn	27-02-2004						
7	800200	8A5	Trần Nguyễn Khánh Sơn	02-01-2004						
8	800201	8A2	Đoàn Ngô Hiền Tâm	15-07-2004						
9	800202	8A2	Nguyễn Minh Tâm	09-02-2004						
10	800203	8A6	Bùi Trọng Tấn	02-10-2004						
11	800204	8A5	Đinh Quốc Thái	20-11-2004						
12	800205	8A2	Lăng Xuân Thái	08-09-2004						
13	800206	8A4	Nguyễn Ngọc Thành	25-03-2004						
14	800207	8A5	Trần Nguyễn Nam Thành	13-08-2004						
15	800208	8A3	Vũ Phúc Thành	08-10-2004						
16	800209	8A2	Lê Thị Phương Thảo	24-08-2004						
17	800210	8A3	Nguyễn Phương Thảo	12-03-2004						
18	800211	8A1	Nguyễn Thu Thảo	16-05-2004						
19	800212	8A6	Nguyễn Vi Thảo	25-10-2004						
20	800213	8A2	Trần Phương Thảo	23-03-2004						
21	800214	8A3	Trần Phương Thảo	24-07-2004						
22	800215	8A1	Nguyễn Tiến Thắng	24-12-2004						
23	800216	8A1	Trịnh Tiểu Thiên	25-10-2004						
24	800217	8A5	Nguyễn Đình Thọ	26-06-2004						
25	800218	8A4	Dương Mai Thu	15-01-2004						

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI NĂM HỌC 2017-2018

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH PHÒNG THI KÌ KIỂM TRA HỌC KÌ I - KHỐI 8

Phòng thi số: 36 **Thi tại phòng: 410**

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ngữ văn		Tiếng Anh		Toán	
					Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên	Số tờ	Kí tên
1	800219	8A6	Doãn Hồng Minh Thư	28-04-2004						
2	800220	8A5	Đỗ Khánh Thương	10-04-2004						
3	800221	8A5	Hồ Thanh Thủy Tiên	03-09-2004						
4	800222	8A1	Hoàng Trung Tiến	05-11-2004						
5	800223	8A2	Lưu Quốc Tiến	13-01-2004						
6	800224	8A4	Lê Vũ Anh Toàn	31-12-2004						
7	800225	8A5	Kiều Thu Trang	14-07-2004						
8	800226	8A3	Mai Minh Trang	21-08-2004						
9	800227	8A6	Nguyễn Minh Trang	10-01-2004						
10	800228	8A6	Nguyễn Quỳnh Trang	02-03-2004						
11	800229	8A5	Phạm Hà Trang	22-03-2004						
12	800230	8A1	Trần Huyền Trang	11-07-2004						
13	800231	8A6	Trần Quỳnh Trang	01-02-2004						
14	800232	8A6	Trần Anh Trọng	08-10-2004						
15	800233	8A1	Lê Vũ Trung	26-01-2004						
16	800234	8A3	Vũ Minh Tuấn	16-02-2004						
17	800235	8A1	Đặng Thanh Vân	22-08-2004						
18	800236	8A2	Dương Đình Việt	21-10-2004						
19	800237	8A1	Nguyễn Thành Vinh	24-11-2004						
20	800238	8A3	Đỗ Nguyên Vũ	11-11-2004						
21	800239	8A1	Lê Đỗ Lâm Vũ	11-10-2004						
22	800240	8A1	Trần Anh Vũ	04-08-2004						
23	800241	8A6	Đỗ Khánh Vy	12-02-2004						
24	800242	8A5	Lục Phương Hà Vy	29-09-2004						
25	800243	8A2	Lê Hải Yến	19-01-2004						